TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày: 07/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Châu Tiếp**.
2. Ông **Lê Văn Tám**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa- Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST- DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1952. (Có mặt)

Ông **Đặng Văn C**, sinh năm 1950. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Phía bà Nguyễn Thị L có vay không lãi của bà T số tiền và vàng cụ thể như sau:

- Ngày 10 tháng 10 năm 2013(âm lịch) vay số tiền là 15.000.000 đồng để sử dụng trong gia đình, không có làm biên nhận.

- Vào khoảng tháng 9 năm 2013 (âm lịch) vay số vàng là 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K để đóng hụi, bà L có làm biên nhận và ký tên vào biên nhận.

- Vào khoảng tháng 02 năm 2014 (âm lịch) vay số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K để trả nợ vật liệu xây dựng, bà L có làm biên nhận và ký tên ghi họ tên vào biên nhận.

Tổng cộng bà L vay của bà T số vàng là 08 chỉ 03 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng. Phía bà T có đòi nhiều lần nhưng bà L cố tình né tránh không trả. Nay bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Đặng Văn C, phần yêu cầu ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L trả số vàng 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng; bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K. Bà T cũng thừa nhận là giữa bà và bà L hai bên có thỏa thuận với nhau là bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà K thay cho bà T để cấn trừ vào số tiền mà bà L vay của bà T là 15.000.000 đồng và số tiền lãi tổng cộng khoảng trên 50.000.000 đồng, chứ không có cấn trừ vào số vàng 2,5 chỉ vàng 24K, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có ai chứng kiến biết. Theo bà T loại vàng 24K mà bà T kiện đòi bà L hiện nay có giá là 3.550.000đồng/chỉ.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà L thừa nhận là có vay của bà T số vàng là 01 chỉ vàng 24K, lãi suất cao nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu do đã lâu, để trả lãi cho phía bà T. Sau đó phía bà T có tính lãi là 1,5 chỉ vàng 24K nên bà L có viết biên nhận nợ cho bà T với số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K trong đó có cả vốn lẫn lãi nhưng trong biên nhận nợ không có ghi cụ thể vốn và lãi. Khi bà T hốt hụi vàng của bà K thì bà T thỏa thuận với bà L là bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà K để cấn trừ vào số tiền vay 15.000.000 đồng và số vàng 2,5 chỉ vàng 24K nên bà L không còn nợ vàng của phía bà T. Việc thỏa thuận đóng hụi chết cho bà K thay cho bà T để cấn trừ nợ thì lúc đó chỉ có bà T và bà L không có ai chứng kiến biết và cũng không có sự chứng kiến của bà K nhưng sau này bà L có nói cho bà K nghe, bà K cũng không biết việc bà L đóng hụi chết cho bà K là có cấn trừ vào số vàng mà bà L nợ bà T là 2,5 chỉ vàng 24K hay không; nên bà L không yêu cầu Tòa án triệu tập phía bà K đến Tòa án để làm rõ sự việc. Nay bà L không đồng ý trả cho bà T số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K, vì bà T đã cấn trừ số vàng này vào việc bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà K thay cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Đặng Văn C. Xét thấy, bị đơn ông Cứ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông Cứ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K; bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Đặng Văn C, phần yêu cầu ông Đặng Văn C và bà Nguyễn THị L

trả số vàng 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà T là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà T xác định là bà T có cho bà L vay không lãi với số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả. Phía bà T cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có cho bà L vay 2,5 chỉ vàng 24K cụ thể là 01 biên nhận nợ nhưng không ghi rõ ngày tháng năm; theo bà T biên nhận nợ là do bà L tự viết và ký tên ghi họ tên vào biên nhận. Tại phiên tòa hôm nay phía bà L cũng thừa nhận đối với biên nhận vàng 2,5 chỉ vàng 24K mà bà T cung cấp cho Tòa án là do bà L viết và có ký tên ghi họ tên vào biên nhận, nhưng bà L cho rằng bà L đã thỏa thuận với bà T là bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho phía bà K thay cho bà T, để cấn trừ số tiền vay 15.000.000 đồng và số vàng 2,5 chỉ vàng 24K, nên bà L không còn nợ vàng của phía bà T nhưng bà L không có cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc cấn trừ 2,5 chỉ vàng 24K. Việc thỏa thuận trên chỉ có bà và bà T không có ai chứng kiến biết nên bà L không yêu cầu Tòa án triệu tập bà K đến Tòa án để làm rõ sự việc; còn phía bà T thì chỉ thừa nhận là có thỏa thuận với bà L là bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho phía bà K thay cho bà T để cấn trừ số tiền nợ vay là 15.000.000 đồng và lãi, không liên quan gì đến số vàng 2,5 chỉ vàng 24K trong biên nhận nợ do bà L viết. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa bà T và bà L theo đó bà L có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà K để cấn trừ nợ mà bà L nợ của bà T. Cho thấy, việc thỏa thuận này khi thỏa thuận chỉ có bà L với bà T ngoài ra không có ai chứng kiến biết và việc bà L đóng hụi chết cho bà K, bà K chỉ biết là cấn trừ nợ của bà T chứ không rõ là khoảng nợ nào. Hơn nữa, phía bà L cũng không yêu cầu triệu tập phía bà K để làm rõ việc cấn trừ nợ và bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đối với số vàng 2,5 chỉ vàng 24K đã cấn trừ vào việc bà L đóng hụi chết cho bà K thay thế cho bà T; nên Hội đồng xét thấy không cần thiết phải triệu tập phía bà K để làm rõ sự việc trên, cũng như không cần thiết phải đưa bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tich trên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T và buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K.

[4] Đối với phía nguyên đơn bà T, tại phiên tòa hôm nay xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Đặng Văn C, phần yêu cầu ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L trả số vàng 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc khởi kiện đối với ông Đặng Văn C, phần yêu cầu ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L trả số vàng 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T nên phía bị đơn bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng do phía bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số vàng là 2,5 chỉ vàng 24K.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc khởi kiện đối với ông Đặng Văn C, phần yêu cầu ông Đặng Văn C và bà Nguyễn Thị L trả số vàng 05 chỉ 08 phân 05 ly vàng 24K và số tiền là 15.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện lại nội dung đã rút yêu cầu theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002130 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Đặng Văn C thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn